Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-09 07:47:25 +07:00

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng

Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;

2. Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023;

3. Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026;

4. Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.[1]

[1] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có căn cứ ban hành như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ và quản lý hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng tại Việt Nam.

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường."

Nghị định số 74/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải."

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 61/2014/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng."

Nghị định số 48/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025."

2. Các quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển quy định tại Nghị định này cũng áp dụng đối với việc nhập khẩu, phá dỡ kho chứa nổi, giàn di động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ và hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phá dỡ tàu biển là hoạt động tháo dỡ toàn bộ cấu trúc tàu biển tại cơ sở phá dỡ tàu biển.

2. Cơ sở phá dỡ tàu biển là khu vực chuyên dụng để phá dỡ tàu biển.

3. Phương án phá dỡ tàu biển là kế hoạch do chủ cơ sở phá dỡ tàu biển lập để thực hiện việc phá dỡ đối với từng tàu biển.

Điều 4. Nguyên tắc nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng

1. Việc nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng phải bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, an toàn phòng, chống cháy, nổ; bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

2. Việc phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng chỉ được thực hiện tại cơ sở phá dỡ tàu biển đã được đưa vào hoạt động theo quy định.

3. Tàu biển đã qua sử dụng được nhập khẩu để phá dỡ phải được đưa vào cơ sở phá dỡ trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày tàu đến cảng biển đầu tiên của Việt Nam; thời gian phá dỡ tàu biển không được kéo dài quá 180 ngày kể từ ngày bắt đầu phá dỡ.

4. Doanh nghiệp nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng phải mua bảo hiểm và thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường liên quan đến hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo quy định.

Điều 5. Các loại tàu biển đã qua sử dụng được phép nhập khẩu để phá dỡ

Tàu biển đã qua sử dụng có thân tàu không bằng vật liệu phi kim loại được phép nhập khẩu để phá dỡ, gồm:

1. Tàu chở hàng khô, gồm: Hàng tổng hợp, hàng rời, hàng thiết bị, gỗ dăm, gỗ cây, ngũ cốc, hàng đóng bao, hàng sắt thép.

2. Tàu container.

3. Tàu chở quặng.

4. Tàu chở hàng lỏng, gồm: Dầu thô, dầu sản phẩm, dầu thực vật.

5. Tàu chở gas, khí hóa lỏng.

6. Tàu Ro-Ro, tàu khách, sà lan biển, phà biển.

Điều 6. Quy định phá dỡ tàu biển Việt Nam, tàu biển nước ngoài bị chìm

đắm tại Việt Nam

1. Việc phá dỡ tàu biển Việt Nam và tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài bị chìm đắm tại Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

2. Trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài bị chìm đắm tại Việt Nam, phá dỡ tại Việt Nam phải thực hiện thủ tục nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

Điều 6a. Nguyên tắc về thực hiện thủ tục hành chính[2]

1. Mẫu đơn, tờ khai, thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành thể hiện trong mẫu đơn, tờ khai khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành.

2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử; trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

Chương II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN

Điều 7. Điều kiện đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

Cơ sở phá dỡ tàu biển phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có cầu cảng, luồng hàng hải đã được công bố theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

2.[3] Đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường và được Bộ Nông nghiệp và Môi trường[4] cấp giấy phép môi trường.

3. Có nhân lực, quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng theo quy định tại Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

---

[2] Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 88 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 167 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[4] Cụm từ "Bộ Tài nguyên và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 36 của Nghị định số 48/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2026.

quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

4. Có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy, phương án chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động[5]

Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

Điều 9. Thủ tục quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động[6]

1. Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động bao gồm:

a) Văn bản đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (bản chính hoặc biểu mẫu điện tử);

b) Giấy phép môi trường của chủ cơ sở phá dỡ tàu biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

c) Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

d) Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

3. Trình tự tiếp nhận, xử lý hồ sơ:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra phù hợp của hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn chủ cơ sở phá dỡ tàu biển hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo Mẫu số

---

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 74/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023.

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 81 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Trong quá trình xử lý hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tiến hành các hoạt động: khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về cơ sở vật chất của cơ sở phá dỡ tàu biển.

Điều 10. Thủ tục quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động[7]

1. Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động khi thay đổi nội dung ghi trong Quyết định đã được cấp.

2. Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Hồ sơ đề nghị lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (bản chính hoặc biểu mẫu điện tử);

b) Văn bản liên quan đến nội dung thay đổi (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

4. Trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định này.

Điều 11. Quyết định dừng ngay hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển[8]

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định dừng ngay hoạt động của cơ sở trong trường hợp cơ sở phá dỡ tàu biển để xảy ra tai nạn, sự cố gây hậu quả nghiêm trọng đối với con người, môi trường trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Căn cứ đề xuất, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho các cơ quan liên quan biết và công bố quyết định dừng ngay hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 12. Quyết định dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển[9]

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu

---

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 82 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[8] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 83 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 84 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

biển theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở phá dỡ tàu biển không đáp ứng điều kiện hoạt động quy định tại Điều 7 của Nghị định này;

b) Vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Khi có dịch bệnh, thiên tai, thảm họa và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ đề xuất, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển; trường hợp không dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho các cơ quan liên quan biết và công bố quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 13. Phương án phá dỡ tàu biển

1. Trước khi tiến hành phá dỡ từng tàu biển, chủ cơ sở phá dỡ tàu biển phải lập, phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Phương án phá dỡ tàu biển gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin chung: Tên và địa chỉ của doanh nghiệp nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ; tên và địa chỉ của cơ sở phá dỡ tàu biển; tàu biển phá dỡ (tên tàu, quốc tịch; đặc tính kỹ thuật của tàu);

b) Thông tin về phá dỡ: Quy trình công nghệ phá dỡ (thứ tự các hạng mục của tàu được thực hiện phá dỡ kèm theo bản vẽ bố trí chung của tàu biển phá dỡ, bản vẽ vị trí phá dỡ tàu biển nằm trong mặt bằng tổng thể cơ sở phá dỡ); trang thiết bị, nhân lực phục vụ phá dỡ; ngày bắt đầu và ngày hoàn thành việc phá dỡ;

c) Các biện pháp về: An toàn lao động, vệ sinh môi trường; phòng, chống cháy, nổ và phòng, chống ô nhiễm môi trường.

Điều 14. Thẩm quyền, thủ tục phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển[10]

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở phá dỡ tàu biển có thẩm quyền phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển theo đề nghị của cơ sở phá dỡ tàu biển.

2. Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ đối với từng tàu biển đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch phá dỡ đối với từng tàu biển bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính hoặc biểu

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 85 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

mẫu điện tử);

b) Phương án phá dỡ tàu biển (01 bản sao hoặc bản sao điện tử).

3. Quy trình xử lý:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan liên quan về phương án phá dỡ tàu biển.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan phải có ý kiến trả lời bằng văn bản;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có quyết định phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi cho cơ sở phá dỡ tàu biển; trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 15. Thực hiện phương án phá dỡ tàu biển

1. Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển phải thực hiện phá dỡ tàu biển theo đúng phương án phá dỡ tàu biển đã được phê duyệt.

2. Cảng vụ hàng hải khu vực chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án phá dỡ đối với từng tàu biển theo quy định của pháp luật.

Chương III

NHẬP KHẨU TÀU BIỂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG ĐỂ PHÁ DỠ

Điều 16. Điều kiện để nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

1.[11] ***(được bãi bỏ)***

2. Tàu biển đã qua sử dụng được nhập khẩu để phá dỡ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a)[12] ***(được bãi bỏ)***

b) Chủ tàu có văn bản xác nhận và chịu trách nhiệm về việc cam kết tàu biển không trong tình trạng thế chấp hoặc khiếu nại hàng hải;

c) Không được hoán cải, nâng cấp, chuyển đổi mục đích sử dụng và không được chuyển nhượng, mua, bán lại.

Điều 17. Trình tự thực hiện việc mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

1. Việc mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ bằng vốn nhà nước được thực hiện theo trình tự như sau:

---

[11] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 167 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[12] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 167 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

a) Lựa chọn tàu biển, dự kiến giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua tàu biển;

b) Lập, thẩm định, phê duyệt dự án mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

Dự án mua tàu biển gồm các nội dung về sự cần thiết của việc đầu tư, loại tàu, số lượng, thông số kỹ thuật cơ bản của tàu, giá tàu dự kiến, nguồn vốn mua tàu, hình thức mua tàu, hiệu quả kinh tế và môi trường;

c) Quyết định mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

2. Việc mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ bằng vốn khác do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tự quyết định.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

Thẩm quyền quyết định đối với dự án mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 19. Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ[13]

1. Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị Cấp giấy phép nhập khẩu đã qua sử dụng để phá dỡ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử);

b) Quyết định của doanh nghiệp về việc mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

2. Quy trình xử lý:

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 20. Thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

---

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 86 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

1. Doanh nghiệp khi làm thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ phải nộp cho cơ quan hải quan khu vực 01 bộ hồ sơ, gồm:

a) Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

b) Quyết định của doanh nghiệp về việc mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

c) Hợp đồng mua bán tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

d) Biên bản giao nhận tàu biển đã qua sử dụng được ký kết giữa người bàn giao và người nhận bàn giao (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

2. Căn cứ hồ sơ nhập khẩu tàu biển quy định tại khoản 1 Điều này, quy định của pháp luật về hải quan và các quy định có liên quan khác của pháp luật, cơ quan hải quan có trách nhiệm làm thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[14]

[14] Điều 169 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định như sau:

"Điều 169. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.".

Điều 5 của Nghị định số 74/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023 quy định như sau:

"Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 11 năm 2023. Khoản 7 Điều 1 Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 10 năm 2024.

2. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Các văn bản chấp thuận, Quyết định, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời hạn đã được quy định đối với những văn bản này;

b) Đối với các hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận, Quyết định, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ;

c) Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam có thẩm quyền thu hồi các Giấy chứng nhận; Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải Việt Nam có thẩm quyền thu hồi các Giấy xác nhận được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Nghị định này bãi bỏ:

a) Điều 3, khoản 6 và khoản 7 Điều 4 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải;

b) Điều 18 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.".

Các Điều 89, 137 và 139 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường; rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển và các loại phương tiện thủy khác tại Việt Nam.

3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ và thủ tục hải quan đối với tàu biển đã qua sử dụng được nhập khẩu để phá dỡ.

4. Các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, tổ chức quản lý nhà nước về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển.

5. Chủ các cơ sở phá dỡ tàu biển có trách nhiệm tuân thủ nghiêm các quy định tại Nghị định này; khi thực hiện phá dỡ các loại phương tiện thủy khác phải tuân theo

---

"Điều 89. Điều khoản chuyển tiếp

Hồ sơ đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì việc giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục được thực hiện theo quy định của Nghị định số 82/2019/NĐ-CP.".

"Điều 137. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 138 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Điều 38 và khoản 2 Điều 43 của Nghị định này có hiệu lực thi hành khi Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và có hiệu lực thi hành.".

"Điều 139. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.".

Điều 39 của Nghị định số 48/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 39. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 31 và Mục 8 Chương III Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Bãi bỏ khoản 4 và khoản 5 Điều 44, khoản 2 Điều 45, khoản 6 Điều 46 và Chương XI Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.".

các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan của pháp luật đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 12 năm 2019 và thay thế Nghị định số 114/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.

2. Bãi bỏ quy định tại Điều 4 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được trích dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách thi hành Nghị định này./.

BỘ XÂY DỰNG

Số: 52/VBHN-BXD

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục
MẪU CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NHẬP KHẨU, PHÁ DỠ TÀU BIỂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG

(Kèm theo Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ)

1. Mẫu số 01. Văn bản đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động[15].

2. Mẫu số 02. Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động[16].

3. Mẫu số 03. Văn bản đề nghị quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động[17].

4. Mẫu số 04. Văn bản đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển[18].

5. Mẫu số 05. Quyết định phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển[19].

6. Mẫu số 06. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ[20].

7. Mẫu số 07. Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ[21].

---

[15] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[16] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[17] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[18] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[19] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[20] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[21] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 01[22]

TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN

Số: …….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng …… năm ...

ĐỀ NGHỊ
Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động

Kính gửi:.....

1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển

a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:.....

b) Địa chỉ:.....

c) Số điện thoại liên hệ: .....

d) Người đại diện theo pháp luật: .....

đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ……. do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày……tháng……..năm ….

2. Thông tin năng lực phá dỡ tàu biển

a) Loại tàu biển có khả năng phá dỡ: .....

b) Giới hạn trọng tải toàn phần của tàu biển vào cơ sở phá dỡ: .....

3. Hồ sơ về cơ sở phá dỡ tàu biển

a) Giấy phép môi trường của chủ cơ sở phá dỡ tàu biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính;

b) Quy trình kiểm sát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);

c) Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về PC&CC của cơ quan CS PC&CC (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

Đề nghị,,.....xem xét quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN

[22] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 02[23]

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/…	*....., ngày .... tháng ..... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH
Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

Căn cứ Nghị định số .....

Theo đề nghị của……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cơ sở phá dỡ tàu biển sau đây được phép tiếp nhận tàu biển để phá dỡ:

1. Tên cơ sở phá dỡ tàu biển: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại liên hệ: .....

4. Người đại diện theo pháp luật: .....

5. Loại tàu biển phá dỡ: .....

6. Giới hạn trọng tải toàn phần của tàu biển phá dỡ: .....

Điều 2. Cơ sở phá dỡ tàu biển căn cứ Quyết định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện hoạt động phá dỡ đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

Điều 3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan căn cứ Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Nơi nhận: - Như Điều 5; - Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan (01 bản); - Cơ sở phá dỡ tàu biển đề nghị (01 bản); - …….; - Lưu: VT,....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

[23] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 03[24]

TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……	*……, ngày ... tháng ... năm ...*

ĐỀ NGHỊ
Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động

Kính gửi:.....

1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển

a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển: .....

b) Địa chỉ: .....

c) Số điện thoại liên hệ: .....

d) Người đại diện theo pháp luật: .....

đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ……. do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày …….. tháng ……. năm …….

e) Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động số …… do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày ……. tháng ….. năm …….

2. Lý do đề nghị quyết định lại

.....

.....

3. Văn bản kèm theo

a) Văn bản liên quan đến nội dung thay đổi (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

.....

Đề nghị.....thẩm định hồ sơ, trình.....cấp lại quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN

[24] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 04[25]

TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN

Số: ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển

Kính gửi: ……....

1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển

a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển: .....

b) Địa chỉ: .....

c) Số điện thoại liên hệ: .....

d) Người đại diện theo pháp luật: .....

đ) Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động số …… do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày ..... tháng …….năm …….

2. Thông tin về tàu biển phá dỡ

a) Tên tàu: .....

b) Số IMO: .....

c) Loại tàu: .....

d) Trọng tải toàn phần (DWT): .....

đ) Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ số …… do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày ……tháng ..... năm …….

3. Văn bản kèm theo

a) 01 bản chính phương án phá dỡ tàu biển;

.....

Kính đề nghị …… xem xét, phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển.

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN
(Ký, ghi rõ, họ tên, đóng dấu)

[25] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 05[26]

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/QĐ-…. …	*..., ngày ..... tháng ..... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH……..

Căn cứ Nghị định số .....;

Căn cứ ……;

Xét nội dung phương án phá dỡ tàu biển gửi kèm văn bản đề nghị số ……. ngày……tháng……năm 20……. của (Tên cơ sở phá dỡ tàu biển);

Theo đề nghị ……..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển của tàu biển có thông số chính như sau:

1. Tên tàu: .....
2. Số IMO: .....
3. Loại tàu: .....
4. Trọng tải toàn phần (DWT): .....

Điều 2. Tàu biển nêu trên được phép vào (Tên cơ sở phá dỡ tàu biển) để thực hiện phá dỡ. Cơ sở phá dỡ tàu biển có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện phá dỡ theo đúng phương án phá dỡ tàu biển được phê duyệt
2. Đóng các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực cảng biển …….

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

Nơi nhận: - Như Điều 5; - Cục HHVN; - Các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan (Hải quan, hàng hải và đường thủy, …); - Cơ sở phá dỡ tàu biển đề nghị (01 bản); - ... - Lưu: VT, …	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

[26] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 06[27]

TÊN DOANH NGHIỆP NHẬP KHẨU TÀU BIỂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG ĐỂ PHÁ DỠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……

ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

Kính gửi:. .....

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ:…… ……

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ: .....

Điện thoại:…….. Fax: ……..Email: .....

3. Địa chỉ kinh doanh:

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ……..Fax: ……..Email: .....

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ tên: ..... Chức danh: ……..
- Số CMND/Hộ chiếu: ..... Ngày, nơi cấp: ……..
- Quốc tịch: .....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ……. do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày…..tháng ……..năm …….

6. Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển thuộc sở hữu hoặc quản lý, khai thác của doanh nghiệp vào hoạt động số …….. ngày …… tháng ……..năm …….

Đề nghị.....thẩm định hồ sơ, trình.....cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ đối với:

a) Tên tàu: .....

b) Số IMO: .....

c) Loại tàu: .....

d) Trọng tải toàn phần (DWT): .....

đ) Ngày tàu đến cảng biển đầu tiên của Việt Nam: .....

(Tên doanh nghiệp) cam kết thực hiện nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo đúng Giấy phép nhập khẩu và các quy định của pháp luật.

Văn bản kèm theo:
- ……;

....., ngày ... tháng ……. năm .....
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[27] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 07[28]

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
NHẬP KHẨU TÀU BIỂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG ĐỂ PHÁ DỠ
Số: .... /năm…/GPNKTB

Căn cứ Nghị định số.....;

Căn cứ.....;

Theo đề nghị của ……

.... (Cơ quan có thẩm quyền) ....cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

a) Tên doanh nghiệp: .....

b) Địa chỉ trụ sở chính: .....

c) Địa chỉ kinh doanh: .....

d) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ……. do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày……..tháng……năm …….

đ) Người đại diện theo pháp luật: .....

2. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển

a) Tên cơ sở phá dỡ: .....

b) Địa chỉ cơ sở phá dỡ: .....

3. Thông tin về Giấy phép

a) Tàu biển đã qua sử dụng được phép nhập khẩu để phá dỡ:

Tên tàu: ..... Số IMO: ……

Loại tàu: ..... Trọng tải toàn phần (DWT): ……..

b) Thời hạn hiệu lực: Từ ngày …….. đến ngày .....

c) Nơi cấp: ..... Ngày cấp: ……

Nơi nhận:
- Các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan (hải quan, hàng hải và đường thủy....);
- Doanh nghiệp đề nghị (01 bản);
- …
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu))

[28] Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.